TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 110/2024/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 19 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" thụ lý số 742/2023/HNST ngày 06 tháng 12 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Ông Võ Văn N, sinh năm 1981

Địa chỉ thường trú: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh S.

Địa chỉ tạm trú: 320/22/4 N, Khu phố 1, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Dương Thị Hồng B, sinh năm 1978

Địa chỉ thường trú: Ấp 2, Thị trấn L, huyện L, tỉnh S.

Địa chỉ tạm trú: 753/4A T, Tổ 11, Khu phố 4, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Võ Văn N và bà Dương Thị Hồng B qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2008, có tổ chức lễ cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn. Đến năm 2017, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn L, huyện L, tỉnh S (Giấy chứng nhận kết

hôn số 78 do Ủy ban nhân dân Thị trấn L, huyện L, tỉnh S cấp ngày 15/6/2017).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Cả hai đã cùng nhau khắc phục nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Hiện nay, ông Võ Văn N và bà Dương Thị Hồng B xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Võ Văn N và bà Dương Thị Hồng B cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Võ Văn N và bà Dương Thị Hồng B có 02 người con chung họ tên là Võ Dương Nhật A (Nam), sinh ngày 24/04/2008 và Võ Dương Thị Kim A (Nữ), sinh ngày 17/10/2012. Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, ông N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung, bà B không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông Võ Văn N và bà Dương Thị Hồng B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Võ Văn N và bà Dương Thị Hồng B xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Võ Văn N và bà Dương Thị Hồng B phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn N và bà Dương Thị Hồng B thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 78 do Ủy ban nhân dân Thị trấn L, huyện L, tỉnh S cấp ngày 15/6/2017).

1.2. Về con chung: Ông Võ Văn N và bà Dương Thị Hồng B có 02 người con chung họ tên là Võ Dương Nhật A (Nam), sinh ngày 24/04/2008 và Võ Dương Thị Kim A (Nữ), sinh ngày 17/10/2012.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn: Bà Dương Thị Hồng Bí đồng ý để ông Võ Văn N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ Võ Dương Nhật A và trẻ Võ Dương Thị Kim A. Bà Dương Thị Hồng B không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Dương Thị Hồng B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một

hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Võ Văn N và bà Dương Thị Hồng B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn N và bà Dương Thị Hồng B phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số AA/2023/0037637 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông N và bà B đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.7, TP HCM;
- C/c THADS Q.7, TP HCM;
- C/q đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thúy).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy